

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hoàng Liên

Ông Trần Văn Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn A - sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà x khu phố 2, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thế H - sinh năm 1987.

Nơi cư trú (hộ khẩu thường trú): Khu phố 5, phường M, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Hoàng Văn A trình bày:*

Ông Hoàng Văn A và bà Nguyễn Thị Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng ông thuê nhà trọ sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần do gia đình hai bên không tán thành, ủng hộ cuộc hôn nhân này và hai bên không thống nhất trong cách chăm sóc giáo dục con cái. Mặt khác, ông A và bà H không còn tin tưởng

nhau về mặt tình cảm. Hai người không chung sống cùng nhau từ tháng 8 năm 2019. Đến tháng 9 năm 2020, ông A bà H có thỏa thuận đồng ý làm thủ tục thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bà H được triệu tập hai lần đều vắng mặt nên Tòa án nhân dân quận T đình chỉ việc xét đơn yêu cầu. Nay tình cảm giữa ông A, bà H không còn, ông Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

*Về con chung:* Vợ chồng bà có 01 con chung tên Hoàng Hồng Ban M, sinh ngày 22/5/2014. Cháu M hiện tại đang sống với bà H. Do từ trước đến nay cháu sống cùng mẹ và được chăm sóc tốt nên ông đồng ý để cho cháu M tiếp tục sống với bà H, ông A sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc.

*Tài sản chung và nợ chung:* ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thế H quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:*** Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Hoàng Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị Thế H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo khoản 1, khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú ở phường M, TP. Ph nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn: Ngày 10/5/2021, nguyên đơn ông Hoàng Văn A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên ông không thể di chuyển từ vùng có dịch ra ngoài tỉnh để tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[1.3] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Thế H nhưng bà H đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tình trạng hôn nhân: Xét cuộc hôn nhân giữa ông Hoàng Văn A và bà Nguyễn Thị Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng trong việc chăm sóc, giáo dục con chung, cuộc hôn nhân không được sự đồng tình ủng hộ của gia đình hai bên. Vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm, không chung sống từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Hai bên không còn đi lại, quan tâm chăm sóc nhau. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy: Từ năm 2019 vợ chồng ông A, bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích, bất đồng trong cách chăm sóc, giáo dục con cái. Từ khi không còn sống chung đến nay, vợ chồng ông A bà H mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau và cũng không có ý định hàn gắn. Mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng được thể hiện: Tháng 9 năm 2020, ông A bà H đã nộp đơn yêu cầu thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ việc bà H được triệu tập hợp lệ hai lần không có mặt nên Tòa án đã đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự (Quyết định đình chỉ số 71/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh); Tại biên bản xác minh ngày 22/3/2021, ông Trần Hữu Đ- trưởng khu phố 5, phường M xác nhận: Bà Võ Thị C, là mẹ ruột và cùng hộ khẩu với bà Nguyễn Thị Thế H cho biết vợ chồng ông A, bà H mâu thuẫn đã trầm trọng, cả hai đã không sống chung từ năm 2019 đến nay, bà H là người nuôi dưỡng cháu Hoàng Hồng Ban M và cháu vẫn đang được chăm sóc tốt. Bà H biết việc ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện bà H không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa ông A, bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A.

[2.2] Về con chung: Xét về nguyện vọng giao con chung của ông A cho bà H nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ thời điểm vợ chồng không sống chung (năm 2019) đến nay bà H là người nuôi cháu Hoàng Hồng Ban M, sinh ngày 22/5/2014. Qua xác minh được biết cháu M được mẹ chăm sóc tốt, được học hành và phát triển bình thường; Xét thấy yêu cầu của ông Hoàng Văn A là hợp lý, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Hoàng Hồng Ban M cho bà Nguyễn Thị Thế H tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hoàng Văn A đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của nguyên đơn, bảo vệ quyền và lợi ích cho cháu Hoàng Hồng Ban M được chăm sóc, giáo dục tốt hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Ông Hoàng Văn A không yêu cầu Tòa án

giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang-Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Hoàng Văn A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thế H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thế H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Hoàng Hồng Ban M, sinh ngày 22/5/2014. Ông Hoàng Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Hoàng Văn A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023298 ngày 22/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Hoàng Văn A phải nộp số tiền còn lại 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
  - VKSND TP. PR-TC;
  - Chi cục THADS TP. PR-TC;
  - UBND phường L
- Thành phố T (số 27/2014);
- Các đương sự;
  - Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nga**



